TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày 27-01-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi; đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Duyên Văn Hiền;

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi; đòi lại tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Phước D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vỉnh H), sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Phước D trình bày: Ông H hiện có nợ ông tiền nợ hụi và nợ vay cụ thể như sau:

Về tiền nợ hụi: Ông H là chủ hụi, ông là hụi viên, trong quá trình hoạt động giao dịch hụi phía ông H có nợ ông tiền hụi cụ thể:

1/ Đối với hai dây hụi mở cùng ngày 29/6/2015 âm lịch, ông có tham gia hai chưng hụi (mỗi dây 01 chưng), loại hụi 1.000.000 đồng, có 29 chưng hụi mỗi dây,

mỗi tháng khui một lần, ông đã đóng 15 kỳ mỗi chưng (30 kỳ cho hai chưng) thì ông H dừng hụi nhưng không thanh toán nghĩa vụ đối với ông, tính đến thời điểm hiện tại phía bị đơn còn nợ ông số tiền vốn thực đóng hụi là 30 kỳ (15 kỳ x 2 chưng) x 670.000 đồng (số tiền bình quân của các kỳ hụi thực đóng đối với 4 kỳ xác định được) với số tiền thực đóng là 20.100.000 đồng.

2/ Đối với dây hụi mở ngày 19/3/2016 âm lịch, ông có tham gia một chưng, loại hụi 1.000.000 đồng, có 29 chưng, mỗi tháng khui một lần, ông đã đóng 6 kỳ thì ông H dừng hụi nhưng không thanh toán nghĩa vụ đối với ông, tính đến thời điểm hiện tại phía bị đơn còn nợ ông số tiền vốn hụi đã thực đóng là 6 kỳ x 600.000 đồng (số tiền bình quân của các kỳ hụi thực đóng đối với 4 kỳ xác định được) với số tiền thực đóng là 3.600.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi thực đóng đối với các dây hụi mà ông yêu cầu là 20.100.000 đồng + 3.600.000 đồng = 23.700.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

Về khoảng nợ vay: Năm 2015, ông H có trực tiếp hỏi vay của ông 10 chỉ vàng 24K, thời hạn vay 01 năm, các bên có thỏa thuận lãi suất vay, hết thời hạn vay phía ông H không trả vốn và lãi cho ông, ông đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng phía ông H cố tình không thực hiện nghĩa vụ, do đó ông khởi kiện yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán cho ông 10 chỉ vàng 24K, không yêu cầu về lãi suất.

Tại phiên tòa, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu nội dung như trình bày, buộc bị đơn trả cho ông tiền nợ hụi là 23.700.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K, không yêu cầu về lãi suất. Ông xác định đối với số nợ này, ông H là người trực tiếp nợ ông, không liên quan đến người khác nên ông chỉ yêu cầu cá nhân ông H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho ông.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập tòa án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Phước D khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ từ các giao dịch hợp đồng là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Khánh Bình Tây thì hiện nay không xác định được ông H hiện đang ở đâu. Trong khi theo giấy nhận nợ, tờ giao kèo danh sách hụi viên thì ông H cung cấp địa chỉ tại ấp Kinh Hòn Bắc, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Việc ông H thay đổi nơi cư

trú nhưng gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa ông Lê Phước D và ông H thực hiện việc vay vàng vào năm 2015. Theo thỏa thuận, hai bên thực hiện trả gốc và lãi trong thời hạn 12 tháng. Như vậy thời điểm ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là năm 2016. Đến năm 2021 ông D mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngoài ra, ông D khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền nợ hụi là 23.700.000 đồng nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D là người khởi kiện, ông H là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự ông D là nguyên đơn, ông H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông ông H.

[4] Xét về chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để bị đơn có ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng bị đơn không chấp hành. Do đó Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[5] Xét yêu cầu trả nợ hụi của nguyên đơn: Nguyên đơn xác định có tham gia các dây hụi do bị đơn làm chủ hụi. Hụi chưa mãn, bị đơn chủ động chốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn và hiện vẫn còn nợ lại nguyên đơn với số tiền 23.700.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 23.700.000 đồng, nguyên đơn chứng minh việc có tham gia các dây hụi bằng danh sách ghi chép thông tin của các hụi viên và số chưng hụi mà mỗi hụi viên tham gia dây hụi do bị đơn làm chủ hụi. Tòa án có tiến hành xác minh những hụi viên trong các dây hụi mà nguyên đơn yêu cầu và ghi nhận ý kiến trình bày của bà Lê Kiều Oanh và ông Nguyễn Văn Kiệt đều xác định thông tin dây hụi đúng như nguyên đơn trình bày, xác định ông D có tham gia các dây hụi nêu trên do ông H làm chủ hụi và hiện ông H vẫn còn nợ lại ông D với số tiền hụi mà nguyên đơn đã thực đóng là đúng như nguyên đơn yêu cầu. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận việc nguyên đơn có tham gia các dây hụi như nguyên đơn trình bày là thực tế có xảy ra và hiện nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn

phải trả nguyên đơn số tiền nợ hụi là 23.700.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét yêu cầu đòi vàng vay của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 10 chỉ vàng 24K, đây là số vàng mà nguyên đơn cho bị đơn vay và hiện vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Đối với yêu cầu này, nguyên đơn chứng minh khoảng nợ vay trên cơ sở của tờ giấy viết tay có có chữ viết họ tên của bị đơn với nội dung ghi nhận bị đơn có nợ nguyên đơn 10 chỉ vàng 24K. Theo Kết luận giám định số 05/GD-CP09 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Cà Mau thể hiện chữ viết họ tên trên tờ giấy nhận nợ viết tay mà ông D xuất trình so với tài liệu mẫu giám định đã được thu thập hợp pháp là do cùng một người viết ra nên có căn cứ xác định chữ viết họ tên trong giấy nhận nợ nguyên đơn cung cấp đúng là của ông Huỳnh Vĩnh H. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại nguyên đơn 10 chỉ vàng 24K theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng ông ông H không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số nợ hụi và nợ vàng mà nguyên đơn yêu cầu.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu là 5%(23.700.000 đồng + 53.400.000 đồng) = 3.855.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (lấy giá vàng là 5.340.000 đồng/chỉ vào ngày 27/01/2022 làm căn cứ tính án phí). Vì toàn bộ yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 196, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, Điều 166, Điều 429, Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vỉnh H) có trách nhiệm trả cho ông Lê Phước D số tiền nợ hụi là 23.700.000 (hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

2. Buộc ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vỉnh H) có trách nhiệm trả cho ông Lê Phước D số vàng vay là 10 (mười) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày ông Lê Phước D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vỉnh H) không thi hành xong khoản tiền trên, ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vỉnh H) còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vỉnh H) phải chịu án phí sơ thẩm là 3.855.000 (ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Ông Lê Phước D không phải chịu án phí, ông có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.223.000 đồng, theo biên lai thu số 0004702 ngày 08/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp